TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**
Số: 446/2017/ QĐST- HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 13 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 394/2017/TLST- HNGĐ ngày 16/8/2017 giữa:

- Người yêu cầu: Anh Phạm Bình M, sinh năm 1978.

Chị Hoàng Thị Quỳnh U, sinh năm 1981.

Cùng trú tại: Lô L15 Khu quy hoạch Bàu V, phường Thủy X, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/9/2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/9/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Bình M và chị Hoàng Thị Quỳnh U

2/ Công nhận sự thỏa thuận của người yêu cầu cụ thể như sau:

a/ Về hôn nhân: Anh M chị U chung sống vợ chồng không còn hạnh phúc do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được. Vì vậy, anh M và chị U cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

b/ Về nuôi con chung: Anh M, chị U công nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quang Nguyệt Á, sinh ngày 06/02/2005 và Phạm Quang Nguyệt A, sinh ngày 08/12/2010. Nguyện vọng của cháu Á xin ở với chị U nên anh M, chị U thỏa thuận giao cháu Á và cháu A cho chị U trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng đến thành niên đủ 18 tuổi. Anh M cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cháu Á và cháu A mỗi cháu 1.000.000đồng /tháng (một triệu đồng một tháng) kể từ tháng 9/2017 trở đi đến khi cháu Á và cháu A thành niên đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

c/ Về tài sản chung: Anh M, chị Utự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d/ Về nợ chung: Anh M, chị U cùng xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

đ/ Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Bình Mi và chị Hoàng Thị Quỳnh U phải chịu lệ phí dân sự 300.000đồng, anh M và chị U đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000đồng theo biên lai thu số AA/2013/003044 ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh M, chị U đã nộp đủ lệ phí.

Nếu quá thời hạn thỏa thuận thanh toán, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sư, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm .

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP - Huế;
- UBNDP Phú N, Huế
(ĐKKH ngày 29/11/2010)
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Lê Tuyết Linh